

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N H
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 6 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N H TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh
2. Ông Huỳnh Tấn Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Châu Thị M T, sinh năm: 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L B B, xã H M, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H Đ, xã T N, huyện N T, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Hồ M L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Thôn L B B, xã H M, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 - 12 - 2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Châu Thị M T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị M T và ông Hồ M L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H M, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi ngày 27/11/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại huyện N T, tỉnh Quảng Nam, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do ông L sống thiếu trách nhiệm với vợ con, không lo làm ăn để nuôi con và có hành vi bạo lực gia đình. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, ông L thường xuyên sinh sống ở xã H M, tỉnh Quảng Ngãi, không có trách nhiệm và thiện chí để hàn gắn mâu thuẫn; vợ chồng phần ai nấy sống, không quan T gì đến nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Châu Thị M T yêu cầu được ly hôn với ông Hồ M L.

Về con chung: Vợ chồng bà T và ông L có 02 đứa con chung tên Hồ Châu A K, sinh ngày 25/5/2015 và Hồ Châu L U, sinh ngày 02/3/2020; hiện hai cháu đang sống với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu ông Hồ M L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Tại bản tự khai đề ngày 19 - 12 - 2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án bị đơn ông Hồ M L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng như bà Châu Thị M T trình bày là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng là có thật nhưng chưa đến mức phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Trường hợp tòa giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 đứa con chung, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định.

Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị M T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị M T được ly hôn ông Hồ M L.

- Về con chung: Giao các cháu Hồ Châu A K, sinh ngày 25/5/2015 và Hồ Châu L U, sinh ngày 02/3/2020 cho bà Châu Thị M T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Hồ M L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Châu Thị M T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N H giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ M L, trú tại thôn L B B, xã H M, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N H và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Hồ M L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Châu Thị M T và ông Hồ M L tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H M, huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi ngày 27/11/2014 nên quan hệ vợ chồng giữa bà Châu Thị M T và ông Hồ M L là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do ông L thường xuyên đi làm ăn, sinh sống ở xa (buôn bán không ổn định) nên sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ con và có hành vi bạo lực gia đình. Bản thân ông L cũng thừa nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và trình trạng sống chung hiện nay như bà T trình bày là đúng; tuy nhiên ông cho rằng trình trạng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông L là có thật, cả hai không tìm được hướng giải quyết nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Như vậy, sau khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, cả hai đều không có thiện chí khắc phục những mâu thuẫn, điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thị M T được ly hôn với ông Hồ M L.

- Về con chung: Bà Châu Thị M T và ông Hồ M L có 02 đứa con chung tên Hồ Châu A K, sinh ngày 25/5/2015 và Hồ Châu L U, sinh ngày 02/3/2020. Hiện các cháu đang sống với bà T nên cần tiếp tục giao các cháu Hồ Châu A K, sinh ngày 25/5/2015 và Hồ Châu L U, sinh ngày 02/3/2020 cho bà Châu Thị M T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp; Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Bà Châu Thị M T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV.QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu Thị M T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị M T được ly hôn với ông Hồ M L.

- Về con chung: Giao các cháu Hồ Châu A K, sinh ngày 25/5/2015 và Hồ Châu L U, sinh ngày 02/3/2020 cho bà Châu Thị M T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Hồ M L không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Bà Châu Thị M T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) bà T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0001725 ngày 12-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N H, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện N H;
- CCTHADS huyện N H;
- UBND xã H M;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Nam